

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

BƯỚC ĐẦU XÁC ĐỊNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH MỘT SỐ PHƯỜNG THUỘC NỘI VI KINH THÀNH HUẾ (ĐẦU THẾ KỶ XX - 1945)

Đỗ Minh Điền*

1. Hệ thống các phường Nội thành trước thời điểm tu chỉnh dưới thời vua Duy Tân (1907 - 1916)

Kinh Thành Huế được xem là trung tâm chính trị của cả nước, là biểu trưng quyền lực của vương triều nhà Nguyễn. Nếu như khu vực Hoàng Thành và Tử Cấm Thành được liệt vào hàng thâm nghiêm, cấm địa thì nội vi Kinh Thành được coi là nơi cấm mật, tuyệt nhiên bất khả xâm phạm. Chính vì thế, trong bộ *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long) đã dành hẳn hơn 20 trang để nhấn mạnh sự tôn nghiêm của Kinh Thành, đồng thời quy định rất rõ các loại tội trạng, định hẳn chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với tất cả những ai tự tiện ra vào, xâm phạm địa giới Kinh Thành.⁽¹⁾

Được quy hoạch trên cơ sở đất đai của 8 làng trước đó, Kinh Thành Huế có diện tích mặt bằng khá rộng lớn. Ngoại trừ Hoàng Thành, kể từ thời vua Gia Long (1802 - 1820) trở đi, khu vực Kinh Thành là nơi sinh hoạt, làm việc của các quan nha, đồn trú doanh trại quân đội, quan xưởng triều đình, dinh cơ tư thất của tầng lớp quan lại và phủ đệ của các ông hoàng bà chúa. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* cho biết, “nội địa Kinh Thành từ trước đến nay vốn đã có phân chia đất để làm các phủ đệ và nhà ở cho quan chức và các ty”.⁽²⁾ Trong hồi ức về Huế vào đầu thế kỷ XIX, Michel Đức Chaigneau cũng xác nhận tầng lớp dân chúng chỉ được sinh sống ở vùng ngoại vi, lân cận Kinh Thành,⁽³⁾ ngoài những giai tầng nói trên, tuyệt đối cấm các đối tượng còn lại xây dựng nhà cửa, ẩn cư ở nội vi Kinh Thành. Quy định này, được thực thi nghiêm túc cho đến gần cuối thời vua Tự Đức.

Phường trong Nội thành^(**) được nhắc đến sớm nhất là vào năm 1837 dưới triều vua Minh Mạng. Tổ chức phường vào giai đoạn này tồn tại với tư cách như những đơn vị hành chính đặc biệt, đó là kết quả của sự phân định hệ thống các đồn canh, binh xá thuộc dinh vệ của các lực lượng quân đội. Có thể nói, hệ thống phường thời kỳ này mang nặng tính chất quân sự, được bố trí theo hình thức phân ô, cứ 10 phường trở thành 1 bảo 堡, chuyên trách tuần tra, canh giữ và kiểm soát toàn bộ địa bàn Kinh Thành.

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

** Khái niệm Nội thành hoặc Thành Nội là cách nói của người Huế dùng để chỉ toàn bộ khu vực Kinh Thành Huế. ĐMĐ.

Theo ghi chép của sách *Đại Nam thực lục* và *Đại Nam nhất thống chí*, Kinh Thành có tất cả 95 phường.⁽⁴⁾ Địa phận các phường tương ứng với đồn canh, dinh trại đồn trú bảo vệ 24 pháo đài, bao quanh 4 phía vòng thành và khu vực Trấn Bình Đài ở góc đông bắc Kinh Thành (Bảng 1).

Bảng 1: Tên gọi 95 phường Nội thành dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1840)

STT	Đơn vị quản lý	Tên phường	Tổng
1	Đồn Tả Dực (Từ Đài Nam Thắng đến điện Thanh Hòa) thuộc doanh Vũ (Võ) Lâm.	Hiệu Trung, Ninh Mật, Đoan Hòa, Ngưng Hy, Trung Thuận, Nhân Hậu, Tích Thiện, Dưỡng Sinh, Phú Văn, Thận Cần, Nghĩa Tích.	11
2	Đồn Hữu Dực (Từ Đài Nam Thắng đến điện Thanh Hòa) thuộc doanh Vũ (Võ) Lâm.	Huệ Cát, Thuận Cát, Lý Cát, Trinh Cát, Tĩnh Nhất, An Tĩnh, Nhuận Đức, Phước Tuy.	8
3	2 vệ doanh Tiền Phong (Từ đài Đông Trường qua Đông Gia, Đông Phụ đến nửa đài Đông Vĩnh).	Đông Phúc, Minh Thiện, Hóa Thành, Vĩnh An, Thuận Bình và Nhân Tiệm.	6
4	5 vệ dinh Long Võ (Từ đài Đông Vĩnh, Đông Bình, Định Bắc đến đài Bắc Hòa).	Nhân Cơ, Học Hải, Phong Doanh, Nhiều Dụ, Chiêm Ân, Thường Dụ, Đa Lộc, Tuyên Thanh, Ân Thực, Hà Thanh, Ninh Viễn, Tứ Dịch.	12
5	5 vệ dinh Thần Cơ (Từ đài Nam Thắng, Nam Hùng, Nam Minh đến đài Tây Trinh).	Tích Khánh, Túc Võ, Vệ Quốc, Nam Trị, Nam An, Nam Ninh, Nam Cường, Đại Hữu.	8
6	6 vệ dinh Hồ Uy (Từ đài Tây Trinh đến Tây An, Tây Dực).	Khánh Mỹ, Tư Trung, Dịch Cần, Quả Nghị, Phục Lễ, An Mỹ, Bảo Hòa, Quy Hậu, Bảo Cư, Vụ Bản, Ngưng Tích, Nam Thọ.	12
7	5 vệ dinh Hùng Nhuệ (Từ đài Tây Dực qua Tây Tĩnh, Tây Tuy đến đài Tây Thành).	Bảo Ninh, Đại Hanh, Sư Trinh, Tồn Vũ, Đôn Hóa, Thuận Tắc, Long Bình, Gia Mỹ, Thừa Đức, Gia Cầm, An Lạc, Huân Đạo, Ân Trạch, Hậu Sinh, Mộc Đức, Xử Nhân, Do Nghĩa, An Tây.	18
8	10 vệ Ngũ Bảo (Từ đài Tây Thành qua các đài Bắc Điện, Bắc Thuận, Bắc Trung, Bắc Thanh đến Bắc Hòa).	Linh Ứng, Phú Thứ, Hòa Thái, Ngưỡng Trị, Tây Lộc, Quy Thiện, Tây Ninh, Vô Uông, Tây Thành, Hàm Thanh, Đại Đồng, Khang Ninh, Tráng Cổ, Diềm Tĩnh, Bắc Trường, Ninh Bắc.	16
9	4 vệ Kỳ Võ (Quanh khu vực Trấn Bình Đài).	Thừa Thiên, Tuyên Hóa, Định Bắc và An Bắc.	4
			95

Trong giai đoạn thịnh trị của vương triều Nguyễn, hoạt động kiểm soát dân cư Nội thành được thực hiện rất quy củ. Cho đến nay, chúng ta chưa tìm thấy bất kỳ nguồn tư liệu nào để có thể xác định chính xác tổng số dân binh sinh sống trong thành lúc bấy giờ. Căn cứ vào quy định về định ngạch binh lính, theo tác giả Phan Thuận An, thì bấy giờ quân số mỗi vệ là 600 người,⁽⁵⁾ và như vậy sẽ có ít nhất 28.200 người đồn trú thường xuyên trong Kinh Thành.

Sang đến thời vua Tự Đức, theo ghi nhận của các sử quan nhà Nguyễn, dân số trong thành tăng lên nhanh chóng. Sự lớn mạnh của cộng đồng cư dân là một gánh nặng rất lớn đặt lên vai bộ máy quan lại Nhà Hộ thành. Hàng loạt các vụ hỏa hoạn, trộm cắp, dân ần lậu, gây rối an ninh... thường xuyên xảy ra.⁽⁶⁾ Đứng trước tình hình đó, năm 1860, vua Tự Đức đặc chuẩn ban hành quy định “Chỉnh lý” khu vực Nội thành. Đợt điều chỉnh này với mục tiêu là tăng cường binh lính cho các doanh vệ tuần phòng, tra xét tất cả các phường trong thành, kê khai nhân khẩu, đồng thời lập bản đồ, ghi chú rõ ràng để tiện bề theo dõi, kiểm tra. Kết quả tổng số phường tăng thêm 13 đơn vị so với trước đó (Bảng 2).⁽⁷⁾

Bảng 2: Hệ thống các phường Nội thành sau đợt điều chỉnh năm 1860

STT	Đơn vị quản lý	Tên phường	Tổng
1	Doanh Vũ Lâm	Hiệp Trung, Ninh Mật, Trung Thuận, Thụy Bản, Thuần Hựu, Vĩnh Trinh, Hòa Lạc, Nhơn Hậu, Tích Thiện, Ngưng Hy, Đông Thái, Hà Phúc, Dương Sinh, Phú Văn, Thận Cần, Nghĩa Tích, Bảo Đức, Kiềm Năng, Địch Trinh, Huệ Cát, Gia Huệ, Thuận Cát, Lập Vũ, Nhuận Ốc, Vĩnh Tuy, Nhuận Trạch, Lý Cát, Trinh Cát, Tĩnh Nhất, Yên Tĩnh.	30
2	Doanh Thần Cơ	Túc Vũ, Tích Khánh, Nam Minh, Nam Trị, Vệ Quốc, Nam An, Nam Cường, Hữu Niên.	8
3	Doanh Tiền Phong	Đông Phúc, Hợp Trạch, Thiện Đạo, Thuận Bình, Nhơn Tiệm, Hóa Thành, Vĩnh An, Đông An	8
4	Doanh Long Vũ [Võ]	Triêm Hóa, Nhân Cơ, Nhiều Dụ, Thường Dụ, Đa Lộc, Trường Thanh, Phong Doanh, Tứ Dịch, Ân Phú, Ân Thịnh, Hà Thanh, Ninh Viễn.	12
5	Doanh Hồ Uy [Oai]	Phục Lễ, Quả Nghị, Địch Cần, Tư Trung, An Mỹ, Bảo Cư, Quy Hậu, Bảo Hòa, Ngưng Trích, Vụ Nông, Nam Thọ, Khánh Mỹ.	12
6	Doanh Hùng Nhuệ	Thuận Tắc, Long Bình, Gia Mỹ, Thừa Đức, An Lạc, Do Nghĩa, An Tây, Xứ Nhân, Mộc Đức, Gia Hội, Hậu Sinh, An Trạch, Đôn Hóa, Tồn Vũ, Sư Trinh, Thái Hanh, Bảo Ninh, Tuân Đạo.	18
7	Doanh Kỳ Vũ	Thừa Thiên, Tuyên Hóa, Định Bắc, Yên Hóa.	4
8	Doanh Ngũ Bảo và các bảo, tẩn phận khác	Tráng Cổ, Bắc Trường, Ninh Bắc, Đềm Tĩnh, Linh Ứng, Phú Thứ, Hòa Thái, Khang Thái, Hàm Thanh, Tây Lộc, Ngưỡng Trị, Đại Đồng, Quy Thiện, Tây Thành, Tây Ninh, Vô Uổng.	16
			108

2. Xác định địa giới hành chính một số phường thuộc khu vực Kinh Thành Huế

2.1. Sơ lược quá trình hình thành đô thị Huế và sự ra đời 10 phường thuộc khu vực Nội thành

Những năm đầu của thế kỷ XX, vùng ven đô Huế và phía bờ nam Sông Hương tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, bộ mặt đô thị Huế cũng dần thay đổi và có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Cùng với sự hiện diện của người Pháp ở bán đảo Đông Dương, cơ cấu tổ chức làng xã truyền thống vùng ven đô Huế sớm bị phá bỏ sau hàng loạt những can thiệp của họ nhằm quy hoạch lại đô thị Huế theo kiểu mẫu phương Tây, đồng thời không ngừng nâng cấp, mở rộng địa giới thành phố để đáp ứng yêu cầu xây dựng và tổ chức bộ máy hành chính. Ngày mùng 5 tháng 6 năm Thành Thái thứ 11 (12/7/1899), vua Thành Thái xuống dụ công bố thành lập thị xã Huế, và được Khâm sứ Bouloche phê duyệt ngày 13/7/1899. Hơn một tháng sau (30/8/1899), Toàn quyền Đông Dương ra quyết định chuẩn y,⁽⁸⁾ thị xã Huế chính thức được thành lập.

Hai năm sau ngày thị xã Huế ra đời, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định (31/12/1901) quy định phân hạn ranh giới, với địa bàn trung tâm bao gồm vùng phụ cận Kinh Thành và dải đất bờ nam Sông Hương. Huế là trung tâm chính trị của chính quyền thực dân Pháp ở Trung Kỳ, nhu cầu thiết lập các cơ quan công quyền, công trình công cộng càng trở nên bức thiết. Để đáp ứng những đòi hỏi đó, người Pháp liên tục tác động, gia tăng sức ép nhằm nới rộng địa giới hành chính. Trước khi chính thức được nâng cấp thành thành phố Huế vào năm 1929, trong khoảng thời gian 1901 - 1929, thị xã Huế tiếp tục được mở rộng địa hạt với tổng cộng 3 đợt điều chỉnh tất cả.⁽⁹⁾

Kinh Thành Huế là nơi thiết đặt các cơ quan đầu não của triều đình, chính vì vậy, dẫu nằm trong phạm vi không gian đô thị Huế, trải qua các đợt nâng cấp và mở rộng từ thị xã rồi sau đó là thành phố, tuy nhiên địa bàn Kinh Thành cơ bản được giữ nguyên, ngoại trừ khu vực góc đông bắc, triều Nguyễn buộc phải nhượng hẳn cho Pháp xây dựng đồn bót và doanh trại vào năm 1886.

Sau sự kiện Kinh đô thất thủ vào đêm mùng 5 tháng 7 năm 1885, số binh lính của triều đình bị thương vong khoảng chừng 1.500 người và hơn 7.800 dân thường bị chết hoặc bị thương.⁽¹⁰⁾ Những con số thống kê nói trên phần nào phản ánh bầu không khí ảm đạm và sự tang thương bao phủ khắp chốn đế đô. Đây là đợt biến động lớn nhất về mặt dân cư, số lượng người cư trú trong thành cũng giảm xuống đáng kể. Bước sang giai đoạn trị vì của vua Đồng Khánh, việc ấn định đối tượng được phép sinh sống không còn nghiêm khắc như trước. Sử quan nhà Nguyễn cho biết thời điểm này, tình trạng dân chúng lén vào sinh sống, nạn trộm cắp, tỷ lệ người hút và bán thuốc phiện không ngừng gia tăng.⁽¹¹⁾

Những năm đầu thế kỷ XX, trước sức ép tốc độ đô thị hóa vùng kinh đô, vua Thành Thái có ý định điều chỉnh tổ chức hành chính khu vực Kinh Thành, nhằm tạo ra sự đối trọng đáng kể với người Pháp, đồng thời khẳng định vị thế và vai trò trung tâm chính trị của chính quyền Nam triều. Đối diện với những khó khăn về vấn đề nhân sự và tài chính, tổ chức phường theo chế độ quân quản trước đó sẽ không còn khả năng duy trì. Hơn nữa, để siết chặt tình trạng mất an ninh, nạn ản lậu... chính quyền nhà Nguyễn cần phải nhanh chóng thiết lập cơ chế quản lý nhằm đảm bảo trật tự nội vi Kinh Thành. Do vậy, việc điều chỉnh lại các đơn vị hành chính khu vực Nội thành, phân bố và tổ chức quản lý dân cư là nhu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, phải đến thời vua Duy Tân, công cuộc điều chỉnh mới chính thức hoàn thành.

Vào năm Kỷ Dậu (1909), tức năm Duy Tân thứ 3, triều đình ban hành quy định tu chỉnh tổ chức hành chính trong Kinh Thành. Bản tu chỉnh gồm 13 khoản định lệ, trong đó, khoản 1 cho biết việc tổ chức lại toàn bộ 108 phường trong Kinh Thành làm 10 phường, do Nha Hộ Thành quản lý. Sau lần điều chỉnh này, tên gọi chính thức của 10 phường như sau: Thái Trạch 泰澤坊, Vĩnh An 永安坊, Trung Tích 忠積坊, Phú Nhơn 富仁坊, Trung Hậu 忠厚坊, Tây Linh 西靈坊, Tây Lộc 西祿坊, Tri Vụ 知務坊, Thuận Cát 順吉坊 và Huệ An 惠安坊.⁽¹²⁾ Đến đầu những năm 30 của thế kỷ XX, L. Cadière cũng xác nhận, ngoại trừ khu vực Nhượng địa và đồn Mang Cá, “vùng Thành Nội, nghĩa là toàn bộ phần đất thuộc về chính phủ Nam triều... hiện nay được chia thành 10 phường”.⁽¹³⁾ Hầu hết danh xưng của 10 phường mới thành lập đều được cải danh, chỉ có 3 phường: Thuận Cát, Tây Lộc, Vĩnh An được lấy theo tên cũ trước đó. Kể từ đây, tất cả tên gọi các phường còn lại sẽ chính thức được xóa bỏ trên bản đồ hành chính địa bàn Nội thành.

Trước năm 1945, bộ máy quản lý thị xã Huế, rồi sau đó thành phố Huế vận hành khá nhập nhần. Đứng đầu bộ máy hành chính thành phố Huế là “viên Đốc lý do Công sứ Pháp ở Thừa Thiên kiêm nhiệm”,⁽¹⁴⁾ tuy nhiên địa bàn các phường, xã vẫn phải đặt dưới sự quản lý của quan lại Nam triều. Trong khi đó, 10 phường Nội thành được thiết lập với một cơ chế hoàn toàn tự chủ, độc lập về mặt hành chính. Tất cả các phường đều có ngân sách riêng, hoạt động trưng thu thuế lệ đình - điền, cấp phép xây dựng, an ninh trật tự, quản lý nhân khẩu, hộ tịch... sẽ do phủ Thừa Thiên trực tiếp điều hành.

2.2. Xác định địa giới các phường Nội thành

2.2.1. Phường Tây Lộc 西祿坊

Nằm ở góc tây bắc Kinh Thành, thuộc phía bắc Ngự Hà, đây là phường có diện tích thổ canh, thổ cư lớn nhất trong số 10 phường Nội thành. Phường Tây Lộc được hình thành trên cơ sở địa phận của 5 phường trước đó, gồm: phường Do

Nghĩa 由義坊, phường Thừa Thanh 承淸坊, phường Mộc Đức 沐德坊, phường Hậu Sanh 厚生坊 và phường An Trạch 安宅坊. Nguyên ủy địa bàn phường thuộc địa phận quản lý của doanh Hùng Nhuệ.

Căn cứ một số bản đồ vào thời kỳ từ thời Duy Tân trở đi và đặc biệt là mô tả của L. Cadière,⁽¹⁵⁾ thì nửa đầu thế kỷ thứ XX, địa giới của phường⁽¹⁶⁾ với cả hai phía tây và bắc giáp với tường thành của Kinh Thành, phía nam tiếp giáp với Ngự Hà, phía đông giáp với Ngự Hà và phường Tây Linh.

Đối chiếu với thực tế hiện nay thì ranh giới của phường Tây Lộc như sau: phía tây giáp đường Tôn Thất Thiệp, bắc giáp đường Lương Ngọc Quyến, phía nam giáp đường Ngô Thế Lân và đông giáp đường Trần Nhật Duật (phân chia ranh giới với phường Tây Linh) và đường Trần Văn Kỷ.

Một số di tích thuộc địa phận phường Tây Lộc:⁽¹⁷⁾ ruộng Tịch điền 籍田 (trước năm 1828, thuộc hai phường Hòa Thái 和泰坊 và Ngưỡng Trị 仰治坊, về sau, mới chuyển qua đất của phường Hậu Sanh 厚生坊 và An Trạch 安宅坊), Trường Thi Thừa Thiên 試場, cung Khánh Ninh 慶寧宮, cung Bảo Định 保定宮, vườn Thường Mậu 常茂園,⁽¹⁸⁾ đình làng Phú Xuân 富春亭, Khám Đường, miếu Hội Đồng 會同廟.

2.2.2. Phường Tri Vụ 知務坊

Nằm về phía tây Hoàng Thành, phường Tri Vụ thuộc khu vực nam Ngự Hà, có dạng hình vuông, nguyên địa phận của phường do doanh Hồ Uy (Oai) quản lý. Đất đai phường Tri Vụ được sáp nhập từ bốn phường cũ là phường Bảo Hòa 保和坊 (chạy dọc Ngự Hà), Thuận Cát 順吉坊, Bảo Cư 保居坊 và phường Phục Lễ 復禮坊.

Vào đầu thế kỷ XX, địa giới của phường với giới hạn: phía tây giáp tường thành, phía bắc giáp Ngự Hà, phía nam giáp con đường đi tới cửa Tây Nam, Vọng Lâu IV⁽¹⁹⁾ và nó chia tách phường Tri Vụ với phường Thuận Cát, phía đông giáp phường Huệ An, cả hai phường này đều được định bởi con đường lớn chạy từ cửa Chánh Nam, Vọng Lâu V cho đến cửa Tây Bắc hay Vọng Lâu II.⁽²⁰⁾

Ranh giới của phường đối chiếu với hiện nay như sau: phía tây giáp đường Tôn Thất Thiệp, phía bắc giáp đường Triệu Quang Phục, phía nam giáp đường Yết Kiêu (con đường đâm thẳng từ Cửa Hữu, tức cửa Tây Nam, phân chia phường Tri Vụ với Thuận Cát), phía đông giáp đường Nguyễn Trãi (phân tách Tri Vụ với Huệ An).

Một số di tích tiêu biểu tọa lạc ở địa phận phường: Đô Sát Viện 都察院, chợ Phiên, miếu Thổ Thần 土神廟, Hồ Oai tiên vệ 虎威前衛, chợ Cửa Hữu, miếu Ngũ Hành 五行廟, Tân Miếu 新廟 (tức Cung Tôn Miếu, nơi thờ vua Dục Đức, được xây dựng vào năm 1891 dưới thời vua Thành Thái).

2.2.3. Phường Thuận Cát 順吉坊

Địa bàn phường Thuận Cát chính là dải đất hình chữ nhật trải dài từ dải Nam Thắng, Nam Hùng, Nam Minh đến dải Tây Trinh, nguyên trước đó là khu vực tuần phòng, quản lý của doanh Thần Cơ. Phường Thuận Cát được tạo lập trên phần đất của 5 phường cũ, đó là: Ngưng Tích 凝績坊, Nam An 南安坊, Nam Cường 南疆坊, Vệ Quốc 衛國坊, Túc Võ 肅武坊. Trong một số bản dịch và ghi chép trước đây đều cho biết ở khu vực này từng tồn tại một phường có tên là Tú Võ 鏞武. Tuy nhiên theo chúng tôi, rất có khả năng tự dạng của Túc “肅” và Tú “鏞” khá giống nhau nên đã dẫn đến sự nhầm lẫn đó.

Bằng phương pháp định vị trên bản đồ và những mô tả của L. Cadière, có thể thấy ranh giới của phường Thuận Cát với tứ cận như sau: cả hai phía tây và nam đều lấy hệ thống tường thành làm giới hạn; phía bắc giáp với Tri Vụ (con đường chạy từ cửa Tây Nam/Vọng Lô IV/Cửa Hữu phân chia hai phường), phía đông giáp với phường Huệ An, ngăn cách hai phường này là con đường chạy từ cửa Tây Bắc ra đến cửa Chánh Nam.

Ranh giới trên thực địa của phường hiện nay: tây giáp đường Tôn Thất Thiệp, nam giáp đường Ông Ích Khiêm, bắc giáp đường Yết Kiêu (ranh giới với phường Tri Vụ) và đông giáp với đường Nguyễn Trãi.

Một số di tích tiêu biểu trên địa bàn phường: Quan Tượng Đài 觀象臺, Khâm Thiên Giám 欽天監, đàn Xã Tắc 社稷壇, miếu Đô Thành Hoàng 都城隍廟, hồ Xã Tắc 社稷湖, đàn Âm hồn 陰魂壇.

2.2.4. Phường Huệ An 惠安坊

Phường Huệ An là một trong những phường có diện tích khá nhỏ. Địa phận Huệ An hẹp bề ngang (tây - đông), nhưng kéo dài theo hướng bắc - nam. Phường có đồ hình dạng chữ “L”, đây chính là dải đất chạy dọc ở mặt tây của Hoàng Thành và song song với con đường nổi thẳng từ cửa An Hòa ra đến cửa Nhà Đồ. Căn cứ sách *Đại Nam nhất thống chí*, phường Huệ An được thành lập trên cơ sở tích hợp của 4 phường cũ: phường Nhuận Trạch 潤澤坊, Nhuận Ốc 潤屋坊, Nam Cường 南疆坊 và phường Túc Võ 肅武坊.

Giới hạn của phường: phía đông giáp với Hoàng Thành và phường Trung Hậu (ranh giới giữa hai phường là con đường nổi từ phía bắc Hoàng Thành kéo dài đến sông Ngự Hà), phía tây giáp với phường Thuận Cát (ranh giới chính là con đường nổi từ cửa An Hòa ra đến cửa Nhà Đồ), phía bắc giáp với Ngự Hà và phía nam giáp với tường thành Kinh Thành. Hiện nay ở khu vực hồ Tân Miếu vẫn còn tấm bia đá góp phần xác định rõ mốc giới phường Huệ An với phường Thuận Cát và Tri Vụ. Tấm bia được dựng ở góc trục đường Thạch Hãn và Nguyễn Trãi, trên



Ảnh 1: Tấm bia mốc giới: Huệ An phường địa phận, ở giao lộ Nguyễn Trãi - Thạch Hãn.

đó ghi rõ: Huệ An phường địa phận 惠安坊地分.

Ranh giới phường phỏng đoán theo vị trí thực địa hiện nay như sau: phía bắc giáp với đường Triệu Quang Phục, tây giáp đường Nguyễn Trãi, nam giáp đường Ông Ích Khiêm, đông giáp đường Lê Huân và đường Phùng Hưng (đây chính là con đường phân tách địa giới Huệ An với Trung Hậu).

Một số di tích tọa lạc ở địa phận phường: miếu Âm Hồn 陰魂廟 (được kiến lập dưới thời vua Thành Thái), Ngự Mã Khái, miếu Thạch Thần Tướng Quân 石神將軍廟, vườn Thư Quang 舒光園, miếu Ngũ Hành 五行廟.

2.2.5. Phường Trung Tích 忠積坊

Trong số 10 phường Nội thành, phường Trung Tích là khu vực được quy hoạch tập trung nhiều nhất các nha sở thuộc bộ máy hành chính triều đình nhà Nguyễn. Nằm về phía đông và sát nách của Hoàng Thành, địa vực phường Trung Tích theo chính sử triều Nguyễn trước đó gồm có 5 phường: Nhơn Hậu 仁厚坊, Tích Thiện 積善坊, Trung Thuận 忠順坊, Đoan Hòa 端和坊, Ninh Mật 寧謐坊.

Giới hạn của phường với tứ cận như sau: phía đông giáp phường Thái Trạch, phía nam giáp tường thành Kinh Thành, phía tây giáp Hoàng Thành, phía bắc giáp với hai phường Trung Hậu và Phú Nhơn, phân tách hai phường là con đường nối từ góc đông bắc Hoàng Thành chạy thẳng ra cửa Chánh Đông (người Pháp thường gọi là Vọng Lâu IX, dân Huế quen gọi là cửa Đông Ba).

Ranh giới phường phỏng đoán theo vị trí thực địa hiện nay như sau: Đông giáp đường Lê Thánh Tôn, bắc giáp đường Mai Thúc Loan, tây giáp đường Đoàn Thị Điểm và nam giáp đường Ông Ích Khiêm.

Một số di tích thuộc địa phận phường: điện Long An (hiện nay là Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế), Tôn Nhơn Phủ 尊人府, Lục Bộ, Cơ Mật Viện 機密院 (trước đó là chùa Giác Hoàng, nay là trụ sở của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế),

Mộc Thương Đốc Công Sở 木倉督公所, Thái Y Viện Giảng Đường 太醫院講堂, Quảng Thiện Đường 廣善堂 (về sau là trường Quốc Tử Giám, nay là Bảo tàng Lịch sử Cách mạng Thừa Thiên Huế), miếu Thái Y 太醫廟, miếu Ngũ Hành 五行廟, phủ đệ Hoàng Công 皇公府弟, Kinh Trạm 京站, Hỏa Lệnh Sở 火令所, Tả Đại Tướng Quân Xưởng 左大將軍廠, miếu Thượng Tứ 上駟廟, viện Thượng Tứ 上駟院.⁽²¹⁾

2.2.6. Phường Thái Trạch 泰澤坊

Phường Thái Trạch nằm ở góc đông nam Kinh Thành Huế, thuộc nam Ngự Hà, kéo dài từ cửa Đông Ba men theo bờ thành, tiếp giáp với phường Trung Tích. Nguyên địa phận của phường thuộc quyền kiêm quản của doanh Tiền Phong và doanh Vũ Lâm.

Theo khảo cứu của L. Cadière, phường Thái Trạch được hợp nhất từ các phường Đông Phúc 東福坊, Hà Phúc 遐福坊 và ba giáp Đông Thái 東泰甲, Thiện Đạo 善導甲, Hợp Trạch 洽澤甲.⁽²²⁾ Căn cứ địa bạ phường Thái Trạch thì ba giáp nói trên được hình thành vào cuối đời vua Khải Định dựa trên cơ sở ba phường có từ thời vua Tự Đức. Từ một số cứ liệu có thể khẳng định, phường Thái Trạch nguyên thuộc các phường cũ trước đó, gồm: Đông Phúc 東福坊, Hợp Trạch 洽澤坊, Thiện Đạo 善導坊, Thuận Bình 順平坊, Nhơn Tiệm 仁塹坊, Hà Phúc 遐福坊 và một phần phường Hóa Thành 化城坊.

Đầu thế kỷ XX, địa giới phường được xác định như sau: phía tây giáp với phường Trung Tích, bắc giáp phường Vĩnh An (ngăn cách hai phường này là con đường đất nổi thẳng cửa Chánh Đông) và hai mặt nam, đông tiếp giáp với tường thành Kinh Thành. Hiện nay vẫn còn tám bia mốc giới giữa hai phường Thái Trạch và Trung Tích, tám bia đã bị vỡ làm ba nhưng một số chữ vẫn còn đọc rõ: Thái Trạch phường địa phận 泰澤坊地分.

Ranh giới của phường với thực địa hiện nay: Tây giáp đường Lê Thánh Tôn, bắc giáp đường Mai Thúc Loan (phân giới Thái Trạch với Vĩnh An), nam giáp đường Ông Ích Khiêm và đông giáp đường Xuân 68.

Một số di tích tiêu biểu trên địa bàn phường: miếu Ngũ Hành 五行廟, lao Trấn Phủ 鎮撫牢, hồ Ba Viên 花園湖, chợ Đông Phước 東福市, vệ Hùng Dực 翊雄衛, miếu Thổ Thần 土神廟.

2.2.7. Phường Vĩnh An 永安坊

Nằm ở mép đông Kinh Thành, địa phận phường Vĩnh An với dạng hình chữ nhật, được xác định kéo dài từ khu vực cửa Chánh Đông (cửa Đông Ba) ra đến Ngự Hà. Phường Vĩnh An hình thành trên cơ sở đất đai của phường Thanh Long 青龍坊, Vĩnh An 永安坊. Trước thời vua Duy Tân, đây là địa bàn quản lý của các vệ thuộc doanh Long Võ.

Giới hạn phường Vĩnh An với tứ cận như sau: phía tây giáp phường Phú Nhơn, bắc giáp Ngự Hà, nam giáp phường Thái Trạch (phân giới hai phường này là đường đất nổi thẳng cửa Chánh Đông, Vọng Lô IX) và đông giáp tường thành Kinh Thành.⁽²³⁾

Ranh giới của phường với thực địa hiện nay: Tây giáp đường Lê Thánh Tôn, bắc giáp đường Lê Văn Hưu, nam giáp đường Mai Thúc Loan và đông giáp đường Xuân 68.

Một số di tích tiêu biểu trên địa bàn phường: Tể Sanh Sở 宰牲所, hồ Tể Sanh 宰牲湖, Phúc Thiện Đường (tiền đề vua Tự Đức), đàn Âm hồn 陰魂壇, Đông Thành Thủy Quan 東城水關.

2.2.8. Phường Trung Hậu 忠厚坊

Trong số 8 phường thuộc khu vực nam sông Ngự Hà, phường Trung Hậu có diện tích lớn hơn cả. Phường Trung Hậu có dạng hình chữ nhật, hẹp theo hướng đông - tây, được giới hạn kéo dài từ mặt sau của Hoàng Thành ra đến Ngự Hà. Trong bản đồ của *Đại Nam nhất thống chí* và khảo cứu của L. Cadière thì phường Trung Hậu được hình thành trên địa vực của phường Kiêm Năng 兼能坊, Bão Đức 飽德坊 và phường Phú Văn 富文坊. Địa phận của phường dưới thời Gia Long, Minh Mạng thuộc quyền kiêm quản bởi đồn Tả Dực, được tính từ đài Nam Thắng đến điện Thanh Hòa, về sau do doanh Vũ Lâm đảm nhận.

Tứ cận của phường Trung Hậu với giới hạn như sau: phía nam giáp với Hoàng Thành và phường Trung Tích, bắc giáp Ngự Hà, phía tây giáp Ngự Hà và phường Huệ An (con đường nổi thẳng từ mặt sau Hoàng Thành ra đến Ngự Hà chính là ranh giới của hai phường), phía đông giáp với phường Phú Nhơn phân tách bằng con Đường Lớn Lục Bộ (đây là trục đường kéo dài từ cửa Chánh Bắc ra đến cửa Thượng Tứ, nay là đường Đinh Tiên Hoàng).

Như vậy, ranh giới trên thực địa của phường hiện nay: Phía nam giáp với đường Đặng Thái Thân và Mai Thúc Loan (đoạn đường này tính từ góc vuông Đoàn Thị Điểm - Mai Thúc Loan đến ngã tư Đinh Tiên Hoàng - Mai Thúc Loan, phân giới với phường Trung Tích), phía tây giáp đường Phùng Hưng, đông giáp đường Đinh Tiên Hoàng và bắc giáp Ngự Hà (tức đường Trần Quý Cáp và một đoạn đường Phùng Hưng).

Một số di tích thuộc địa phận phường: Đô Sát Viện 都察院, Cung Giám Viện 宮監院, Quốc Sử Quán 國史館, Nha Hộ Thành 護城衛, Bình An Gia 平安家, Anh Giáo Trường 英教場, hồ Tịnh Tâm 淨心湖.

2.2.9. Phường Phú Nhơn 富仁坊

Nằm ở phía đông Hoàng Thành, thuộc khu vực nam Ngự Hà, phường Phú Nhơn có diện tích khá nhỏ so với những phường còn lại. Căn cứ vị trí của một số di tích như lầu Tàng Thơ, vườn Thường Thanh, hồ Học Hải... mà sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi chép, có thể thấy phường Phú Nhơn nguyên là đất cũ của phường Phú Văn, Nhơn Hậu, Thường Thanh, Phong Doanh, Học Hải. Đặc biệt, trong bản kê Địa bộ vào năm Duy Tân thứ 2 (1908) còn cho biết “trước đây nguyên là Thường Thanh, Nhơn Hậu và Phú Văn, nay xin đổi là phường Phú Nhơn”.⁽²⁴⁾ Đối chiếu với địa giới cũ thì đây chính là địa bàn do doanh Vũ Lâm, Long Võ quản lý. Chắc hẳn, cái tên Phú Nhơn được ghép từ tên của hai phường Phú Văn, Nhơn Hậu mà thành. Ngày nay, trong phạm vi của phường còn tồn tại hai hồ: Phú Văn và Nhơn Hậu, có lẽ đây là lưu ảnh duy nhất về danh xưng của hai phường cũ tồn tại trước thời Duy Tân.

Phường Phú Nhơn có dạng hình chữ nhật, liền vùng liền thửa với phường Trung Tích, Trung Hậu và Vĩnh An. Theo L. Cadière, giới hạn phường Phú Nhơn với tứ cận như sau: phía bắc giáp Ngự Hà, phía tây là đường Lục Bộ, con đường này chia ranh giới với phường Trung Hậu, phía nam giáp phường Trung Tích, phía đông giáp Ngự Hà và phường Vĩnh An.⁽²⁵⁾

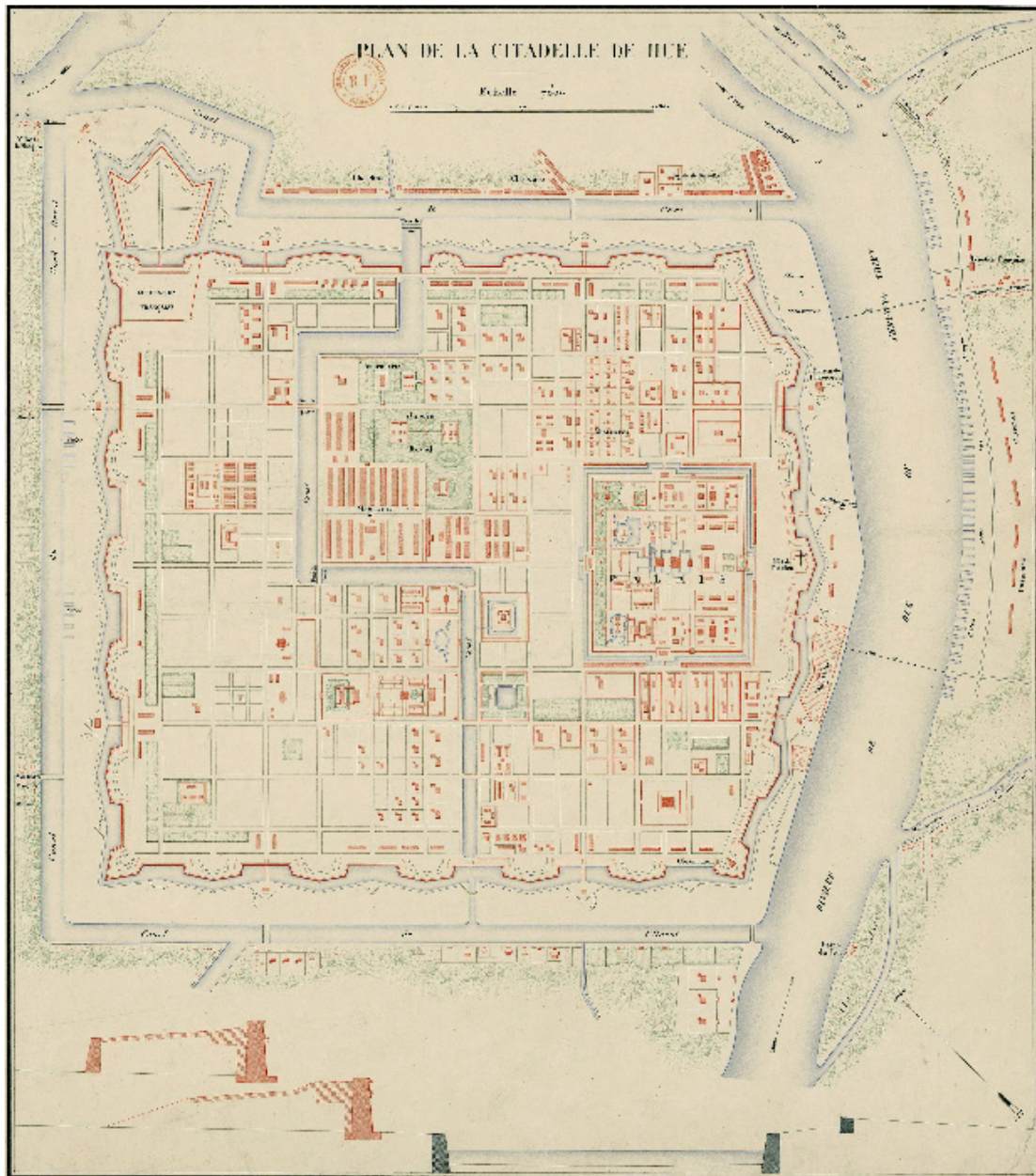
Ranh giới phường phỏng đoán theo vị trí thực địa hiện nay: Bắc giáp Ngự Hà (tức đường Lê Văn Hưu), tây giáp đường Đinh Tiên Hoàng, nam giáp đường Mai Thúc Loan, đông giáp Ngự Hà và phường Vĩnh An (ranh giới là đường Lê Thánh Tôn).

Một số di tích thuộc địa phận phường: hồ Phú Văn Thê 富文体湖, đàn Âm Hồn 陰魂壇, vườn Thường Thanh 常青園, lầu Tàng Thơ 藏書樓, Hỏa Dược Diêm Tiêu Khố 火藥檐硝庫, hồ Học Hải 學海湖.

2.2.10. Phường Tây Linh 西靈坊

Phần lớn đất đai phường Tây Linh trước đó bao gồm cả dải đất bao quanh đồn Mang Cá, sau thời vua Đồng Khánh, khu vực này được triều đình cắt nhượng cho thực dân Pháp. Nằm ở khu vực bắc Ngự Hà, phường Tây Linh có diện tích thổ canh rất lớn. Nguyên đất của phường Tây Linh là địa phận trước đó của phường Định Bắc 定北坊 (nằm trong vùng bao quanh phần đất nhượng địa, quanh vùng Mang Cá và Trấn Bình Đài); phường Ân Thạnh 殷盛坊 (ở phía bắc Ngự Hà); phường Ninh Bắc 寧北坊 và một phần đất thuộc các phường Thừa Thiên 承天坊, Thường Dũ 常愈坊, Tứ Dịch 四驛坊.

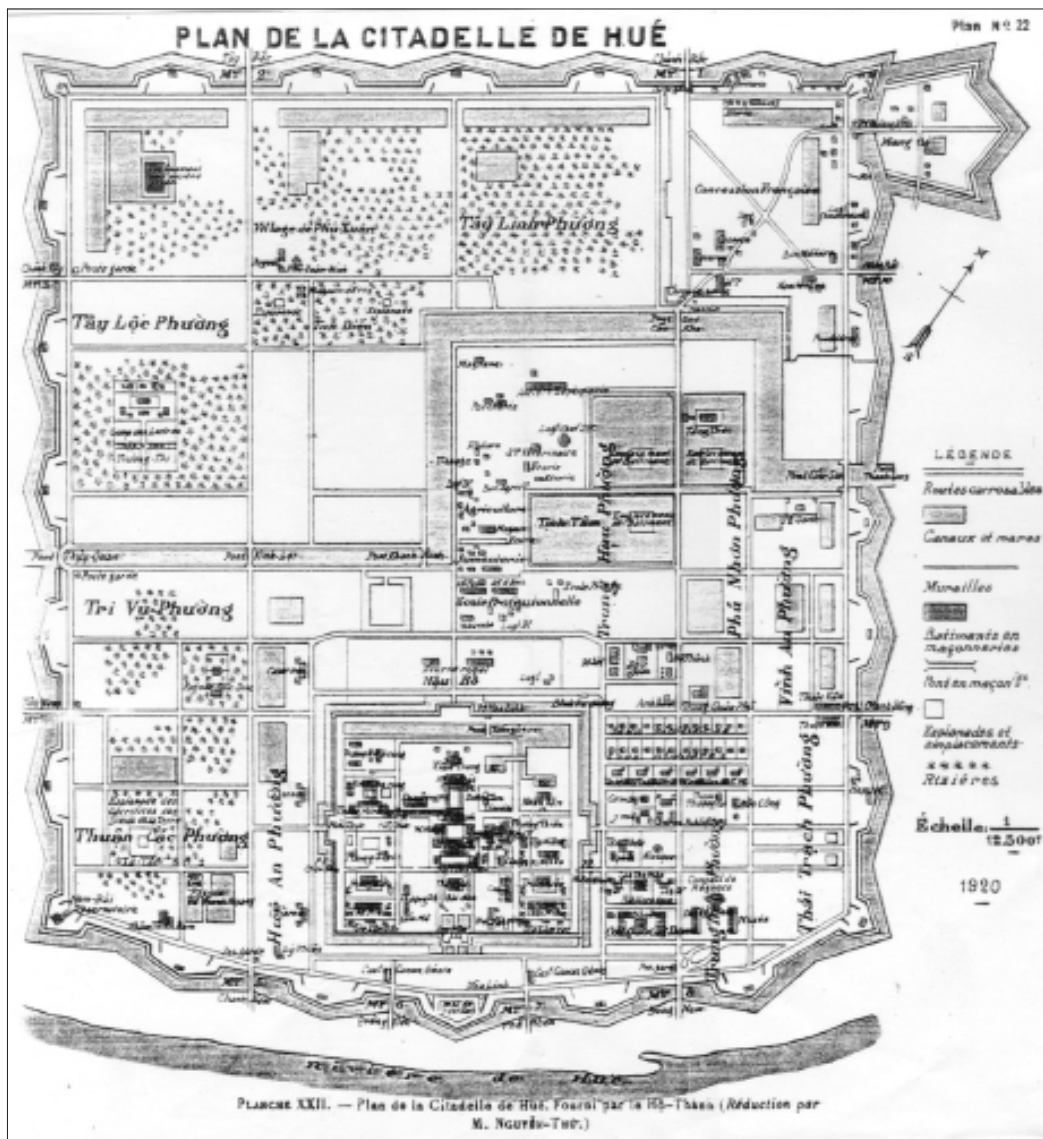
Phạm vi phường Tây Linh: phía tây giáp phường Tây Lộc, phía bắc giáp tường thành của Kinh Thành, phía nam giáp Ngự Hà và phía đông giáp khu Nhượng địa (Khu vực Trấn Bình Đài).



Ảnh 2: Bản đồ Kinh Thành Huế năm 1885. (Ảnh do Giáo sư Mark McLeod, Trường University of Delaware cung cấp. Nhân đây chúng tôi xin chân thành cảm ơn).

Ranh giới phường Tây Linh đối chiếu với thực tế hiện nay, như sau: phía tây giáp đường Trần Nhật Duật (ranh giới Tây Linh với Tây Lộc), phía bắc giáp đường Lương Ngọc Quyến, nam giáp đường Lê Trung Đình và phía đông giáp đường Mang Cá.

Một số di tích tiêu biểu trên địa bàn phường: quán Linh Hựu 靈佑觀, doanh Kỳ Võ 耆武營, hồ Hậu Bảo 後保湖.



Ảnh 3: Bản đồ Kinh Thành Huế năm 1885. Nguồn BAVH năm 1933.

Bảng 3: Bảng đối chiếu giới hạn các phường Nội thành trước 1945

STT	Tên phường	Đối chiếu địa giới hiện nay	Nay thuộc
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tây Lộc 西祿坊	Đông: đường Trần Nhật Duật và Trần Văn Kỳ. Nam: đường Ngô Thế Lân. Tây: đường Tôn Thất Thiệp. Bắc: đường Lương Ngọc Quyến.	Tây Lộc
2	Tây Linh 西靈坊	Đông: đường Mang Cá. Nam: đường Lê Trung Đình. Tây: đường Trần Nhật Duật. Bắc: đường Lương Ngọc Quyến.	Thuận Lộc
3	Tri Vụ 知務坊	Đông: đường Nguyễn Trãi. Nam: giáp đường Yết Kiêu. Tây: đường Tôn Thất Thiệp. Bắc: đường Triệu Quang Phục.	Thuận Hòa

(1)	(2)	(3)	(4)
4	Thuận Cát 順吉坊	Đông: đường Nguyễn Trãi. Nam: đường Ông Ích Khiêm. Tây: đường Tôn Thất Thiệp. Bắc: đường Yết Kiêu.	Thuận Hòa
5	Huệ An 惠安坊	Đông: đường Lê Huân và đường Phùng Hưng. Nam: đường Ông Ích Khiêm. Tây: đường Nguyễn Trãi. Bắc: đường Triệu Quang Phục.	Thuận Hòa
6	Trung Tích 忠積坊	Đông: đường Lê Thánh Tôn. Nam: đường Ông Ích Khiêm. Tây: đường Đoàn Thị Điểm. Bắc: đường Mai Thúc Loan.	Thuận Thành
7	Thái Trạch 泰澤坊	Đông: đường Xuân 68. Nam: đường Ông Ích Khiêm. Tây: đường Lê Thánh Tôn. Bắc: đường Mai Thúc Loan.	Thuận Thành
8	Vĩnh An 永安坊	Đông: đường Xuân 68. Nam: Mai Thúc Loan. Tây: đường Lê Thánh Tôn. Bắc: đường Lê Văn Hưu.	Thuận Lộc
9	Phú Nhơn 富仁坊	Đông: đường Lê Thánh Tôn. Nam: đường Mai Thúc Loan. Tây: đường Đinh Tiên Hoàng. Bắc: đường Lê Văn Hưu.	Thuận Lộc
10	Trung Hậu 忠厚坊	Đông: đường Đinh Tiên Hoàng. Nam: đường Đặng Thái Thân và Mai Thúc Loan. Tây: đường Phùng Hưng. Bắc: đường Trần Quý Cáp, Phùng Hưng.	Thuận Thành

3. Đôi dòng nhận xét

3.1. Trên cơ sở kế thừa thành quả của các lần quy hoạch có từ thời vua Gia Long, Minh Mạng và Tự Đức, đợt điều chỉnh năm Duy Tân (1909) là sự sắp xếp, rút gọn từ 108 phường xuống còn 10 phường trong Kinh Thành Huế. Đợt điều chỉnh này hoàn toàn không thay đổi về diện tích của Kinh Thành, nhưng diện tích các phường tăng lên, bởi mỗi phường như thế được tích hợp, sáp nhập của một hay nhiều phường trước đó. Nhìn tổng thể, 10 phường được phân giới theo hình thức chia ô bàn cờ, tạo thành các khoảng đất vuông vắn, những dãy nhà dọc ngang thẳng hàng, ngăn nắp.

Quan sát trên bản đồ, dễ dàng nhận thấy địa phận các phường được phân tách bởi các con đường đất nổi thẳng (trường nhai), đối xứng các cửa ra vào Kinh Thành, tạo thành những “đại lộ trung tâm”. Tính từ đông sang tây chúng ta có trục đường nổi từ Tây Nam Môn 西南門 (Cửa Hữu) → Chánh Đông Môn 正東門 (cửa Đông Ba). Theo chiều Bắc - Nam ta có, [1] Tây Bắc Môn 西北門 (cửa An Hòa) → Chánh Nam Môn 正南門 (cửa Nhà Đò); [2] Chánh Bắc Môn 正北門 (Cửa Hậu) → Đông Nam Môn 東南門 (cửa Thượng Tứ).

Sẽ có ít nhất là hai mặt (tứ cận) của mỗi phường tiếp giáp và giới hạn bởi hệ thống thành giai của Kinh Thành, Hoàng Thành Huế và Ngự Hà trong tất cả 10 phường Nội thành. Thành quách và con sông Ngự Hà đóng vai trò ngăn cách các phường, ranh giới này vừa có tính bền vững, cố định, đồng thời khu biệt rạch ròi giới hạn phạm vi của mỗi bên. Đó là lý do góp phần minh định một điều, trong quá trình cắm mốc phân giới giữa các phường, người ta chỉ dựng bia đá, cột đá ở những vị trí giáp ranh với những phường liền kề. Chẳng hạn như phường Huệ An,

mốc giới được dựng ở phía tây và mặt đông, bởi 2 phía còn lại giáp giới với tường thành và Ngự Hà.

Bình đồ Kinh Thành Huế có dạng phương hình. Nếu kéo một đường thẳng theo đúng trục Dũng đạo (trục trung tâm của Kinh Thành) với điểm khởi đầu từ cửa Ngọ Môn đến điểm chính giữa mặt thành phía bắc (thuộc pháo đài Bắc Trung 北中臺) sẽ chia Kinh Thành làm hai phần bằng nhau. Ở khu vực phía tây có 4 phường: Tây Lộc, Tri Vụ, Thuận Cát, Huệ An và phía đông có tất cả 6 phường: Tây Linh, Trung Hậu, Phú Nhơn, Vĩnh An, Trung Tích, Thái Trạch. Trong khi đó, hệ thống sông Ngự Hà chảy từ Tây Thành Thủy Quan về đến Đông Thành Thủy Quan phân tách Kinh Thành Huế làm hai địa bàn rõ rệt, đó là khu vực Bắc Ngự Hà gồm có hai phường: Tây Linh, Tây Lộc và Nam Ngự Hà với 8 phường còn lại: Tri Vụ, Thuận Cát, Huệ An, Trung Hậu, Trung Tích, Thái Trạch, Vĩnh An, Phú Nhơn.

3.2. Phường là tập hợp những nhóm cộng đồng người cùng sinh sống trên một địa vực xác định. Trước đó, phường là khái niệm chung về một dạng đơn vị hành chính cơ sở với quy mô ngang hàng với phe, giáp, nhưng tương đương với xã về mặt hành chính. Sau năm 1827, vua Minh Mạng ban hành quy định bãi bỏ cấp phường, ngoại trừ khu vực nội thành, tất cả đều đổi gọi thành ấp. Kể từ đây, phường chỉ những khu vực mang vóc dáng đô thị, gắn liền với yếu tố thương mại, kéo theo sự biến đổi mật độ dân cư cũng như sự chuyển dịch về cơ cấu ngành nghề.

Dựa vào bản Cự khế được lập vào năm Khải Định thứ 8 (1923) và tờ Văn khế bán đất vào năm Khải Định 9 (1924) được công bố trước đó, cho thấy vào giai đoạn này, người đứng đầu “phường” ở khu vực Nội thành chính là “Lý trưởng 理長”.⁽²⁶⁾ Tương tự, trong bản Địa bạ phường Thái Trạch được lập vào ngày 16 tháng 02 năm Duy Tân thứ 9 (1915) và tờ kê khai số đình của phường Tri Vụ năm Khải Định thứ 3 (1918), góp phần xác định Lý trưởng là chức danh cao nhất của bộ máy hành chính ở mỗi phường, chịu trách nhiệm toàn bộ việc điều hành công việc nội phường và đầy đủ tư cách pháp lý để giao thiệp với nhà nước.⁽²⁷⁾ Phường trước năm 1945 là đơn vị hành chính tương đương cấp xã, thống thuộc bởi huyện và phủ. Tuy vậy, với đặc thù là địa bàn trọng địa của Kinh Thành Huế, 10 phường Nội thành vẫn nằm trong diện quản lý trực tiếp bởi Nha Hộ Thành: chuyên trách về dân sự, an ninh và Bộ Hộ: kiểm soát toàn bộ nhân khẩu, hộ tịch. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng nhà cửa sẽ do Bộ Công đứng ra kiểm duyệt. Đây là một biện pháp tích cực để hạn chế tình trạng nhập cư ồ ạt, xâm phạm ranh giới, lấn chiếm đất đai các nhà sở, dinh thự, đền miếu.

3.3. Tổ chức phường từ thời Duy Tân trở về trước với đặc trưng cơ bản của cơ chế quân quản. Sau đợt điều chỉnh năm 1909 hệ thống phường nội thành chuyển dần theo hướng dân sự hóa. Kể từ thời điểm này quyền sở hữu đất đai, nhà cửa của

lại như trong thành”⁽²⁵⁾. “khách thương người Thành từ xưa đến nay vẫn giữ lòng thành, theo đó định nay cũng được áp dụng trong tư duy và cách tư duy của người Thành, theo đó là cảm thấy đời: “người ngoài được không được cư tử trong Kinh Thành”⁽²⁶⁾. Quy thành. Tuy nhiên, với người ngoài được sinh sống trong khu vực Nội thành và tạo mọi điều kiện để mọi người dân được sinh sống trong khu vực Nội thành. Hộ Thành và Bộ Công thành định, phê duyệt, đồng thời kê khai rõ họ tên, nghề nghiệp của mỗi người dân để được phân cấp (hai đơn) xin cấp do Nhà nước cấp. Hộ Thành và Bộ Công thành định, phê duyệt, đồng thời kê khai rõ họ tên, nghề nghiệp của mỗi người dân để được phân cấp (hai đơn) xin cấp do Nhà nước cấp. Hộ Thành và Bộ Công thành định, phê duyệt, đồng thời kê khai rõ họ tên, nghề nghiệp của mỗi người dân để được phân cấp (hai đơn) xin cấp do Nhà nước cấp.

3.4. Điều kiện mỗi công đồng, sinh hoạt từ người phân cấp rõ nét căn tính, tâm thức của từng bộ phận dân cư, biểu hiện hiện đại trung hoạt động sản xuất, nghề nghiệp. Qua trình hình thành các “đình phường” ở khu vực Nội thành gần liên với dân cư, lập nghiệp của nhiều gia đình khác nhau, nhưng đồng thời nó nảy sinh từ chính nhu cầu nội tại về khải cảm tâm linh, tế tự. Nhưng đây không phải là một nhu cầu đơn thuần mà là một nhu cầu tâm linh, tế tự. Nhưng đây không phải là một nhu cầu đơn thuần mà là một nhu cầu tâm linh, tế tự. Nhưng đây không phải là một nhu cầu đơn thuần mà là một nhu cầu tâm linh, tế tự. Nhưng đây không phải là một nhu cầu đơn thuần mà là một nhu cầu tâm linh, tế tự.

Hầu hết các đình phường trong Kinh Thành được khởi tạo từ giai đoạn xưa (1907 - 1916) đến triều Khải Định (1916 - 1925), về sau liên tục được trùng tu. Văn bia ở đình Phú Thọ cho biết việc xây dựng đình là kết quả của đồng lòng sức và tiến bậc của con dân nội phường. Đa số đình được xây dựng từ các nguyên vật liệu kiến trúc cổ: tường gạch, mái ngói, hệ thống cột bê tông cốt thép. Quy mô thông thường là ba gian, ba gian hai chái kê, hai bên tả hữu thiết đặt miếu thờ thổ thần, cô đàn. Một điểm hết sức đặc biệt là vị trí đình thường nằm ở điểm phân giới với phường lân kế.

Thông kê kết quả từ các đợt điền dã, hiện nay trên địa bàn Nội thành Huế còn tồn tại 10 đình phường, phân bố như sau: [1] Đình phường Tây Lộc: số 24 - 26 đường Lương Ngọc Quyến, [2] Đình phường Trí Việt: số 21 đường Yết Kiêu, [3] Đình phường Huệ An: nằm ở ngã tư Lê Hussein - Nguyễn Thiện Thuật, [4] Đình phường Trưng Trắc: đường Ông Ich Khiêm (cách giao lộ Tông Dục Tân - Xuân 88 khoảng 300m), [5] Đình phường Thái Trách: tọa lạc ở ngã tư Ngô Đức Kế - Nguyễn Chí Diểu, [6] Đình phường Phú Thọ: số 276 Đình Tiên Hoàng, [7] Đình phường Trưng Trắc: số 12 đường Đặng Thái Thân, [8] Đình phường Vinh An: số 109 Ngô Đức Kế, [9] Đình phường Tây Lộc: số 27 đường Thành Giồng.



Đình phường Trung Tích, đường Ông Ích Khiêm, Huế.

Một số đình phường như Huệ An, Thái Trạch... vẫn còn giữ được phong cách kiến trúc nguyên ủy. Bên cạnh đó, hữu sự vô thường, trải qua biết bao biến động thời cuộc (thiên tai, chiến tranh) một số đình nay đã xuống cấp trầm trọng, duy nhất đình Thuận Cát thì đã biến mất hoàn toàn sau năm 1975. Dấu vết đình phường Thuận Cát hiện nay chính là cái am nhỏ nằm chơ vơ trong khuôn viên Trường Tiểu học Thuận Hòa (số 89 đường Nguyễn Trãi).

3.5. Sau ngày triều Nguyễn cáo chung, cùng với những biến động chính trị, địa danh, địa giới đô thị Huế liên tục được điều chỉnh.⁽³⁰⁾ Ngày 11 tháng 9 năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định mở rộng thành phố Huế.⁽³¹⁾ Kết quả đợt mở rộng này, 10 phường khu vực Nội thành sáp nhập thành 4 phường. Phường Thuận Hòa hợp thành từ ba phường cũ: Tri Vụ, Thuận Cát, Huệ An; phường Thuận Thành: Trung Tích, Trung Hậu, Thái Trạch; phường Thuận Lộc: Vĩnh An, Phú Nhon, Tây Linh. Riêng phường Tây Lộc cơ bản địa giới được giữ nguyên và tồn tại cho đến ngày hôm nay. “Nhà có số, phố có tên”, quá trình đô thị hóa địa bàn Nội thành khởi phát từ những năm đầu của thế kỷ XX. Sau hơn 100 năm hình thành và phát triển, diện mạo đô thị nơi đây biến chuyển không ngừng, gắn liền với những bước thăng trầm của lịch sử vùng đất Thừa Thiên Huế. Những tên đất, tên phường ngày ấy dần phai mờ theo năm tháng, nhưng những bài học về việc quản lý đô thị Huế dưới thời Nguyễn ở khu vực Nội thành thiết nghĩ vẫn còn vẹn nguyên giá trị.

D M Đ

CHÚ THÍCH

1. Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam, Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhí dịch chú, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 519 - 531.
2. Nội Các triều Nguyễn (2004), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Chính biên, tập III [Bộ Hộ, quyển 59, mục Thiên chuyển dân cư], bản dịch Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 489.
3. “*Xem xét kỹ thì Kinh Thành Huế chỉ là một thành quách rộng mênh mông, ở đó tập trung toàn bộ vương quyền: nơi vua ở, với những binh đội bảo vệ, những đội súng thần công, kho tàng, xưởng đúc súng và kho xưởng. Trong vòng thành thứ nhất, ngoại trừ một số tư thất của quan lại, người ta không thấy nhà người dân thường nào cũng như dịch vụ buôn bán gì bên trong, nếu có thì chỉ là những quán bán trà lá hay thực phẩm cho lính tráng và gia nhân quan lại. Người buôn bán kiểu này thường ở trong những căn nhà tạm bợ tồi tàn, bằng tre có mái rơm, thay vì làm đẹp thành phố thì chỉ làm thêm xốn mắt. Mọi dịch vụ buôn bán, mọi nghề nghiệp cũng như nhà cửa phú hộ đều nằm hết ở những thị trấn hay ngoại thành lân cận*”. Michel Đức Chaigneau (2016), *Kinh thành Huế đầu thế kỷ XIX qua hồi ức của Michel Đức Chaigneau*, bản dịch của Lê Đức Quang, Trần Đình Hằng, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 214 - 215.
4. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 5, bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 121 - 122. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Hoàng Văn Lâu, Nxb Lao động, Hà Nội, tr. 81- 83.
5. Phan Thuận An (1999), *Kinh thành Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 308.
6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tục biên, tập X [quyển 60, Nha Hộ thành, mục Tuần tra và Lệnh cấm], bản dịch Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 170 - 177.
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tr. 162 - 163.
8. Nguyễn Quang Trung Tiến (1999), “Đơn vị hành chính Huế trước năm 1945”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, số 35, tr. 38 - 39.
9. [1] Lần mở rộng đầu tiên được tiến hành sau khi tờ dụ của vua Thành Thái (công bố ngày 22/6/1903) được nghị định Toàn quyền Đông Dương chuẩn y vào ngày 3/7/1903. Đợt mở rộng này, người Pháp chỉ “*mở thêm giới hạn ở phía Nam sông Hương, và sát nhập vào thị xã Huế các vùng sau lưng trường Quốc Học lên cầu Nam Giao, ngang dốc chùa Báo Quốc, ven sông Phủ Cam đến dốc Bến Ngự*”.

[2] Ngày 9/5/1908, vua Duy Tân xuống dụ và Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuẩn y vào ngày 24/7/1908 cho phép mở rộng địa hạt Huế lần thứ 2. Theo đó, sẽ có tất cả là 7 phường thuộc phía bắc Sông Hương: phường *Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ, Đệ Ngũ, Đệ Lục, Đệ Thất* và 1 phường: *Đệ Bát*, thuộc hữu ngạn Hương Giang. Có thể nói đợt điều chỉnh này có quy mô rất lớn, đất đai của nhiều làng xã chính thức sáp nhập và “*hành chính hóa*” nội thuộc địa hạt thị xã Huế .

[3] Đợt mở rộng, điều chỉnh thứ ba diễn ra dưới thời vua Khải Định. Vào ngày 4/11/1921, vị vua thứ 12 triều Nguyễn xuống dụ phân định lại ranh giới của thị xã Huế và hơn một năm sau đó, ngày 25/12/1922 Toàn quyền Đông Dương quyết định chuẩn y. Kết quả đợt này danh xưng “*Phường Đệ Cửu*” (giới hạn của phường kể từ khu vực miếu Lịch Đợi Đế Vương, bao quanh nhà Ga Huế, qua đến cầu Dã Viên) chính thức ra đời.

10. Nguyễn Quang Trung Tiến (2005), “Cuộc tiến công quân Pháp ở Kinh đô Huế, 5/7/1885”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, số 69, tr. 74.
11. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sđd, tr. 176 - 178.
12. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên, Đế lục kỹ phụ biên*, bản dịch Cao Tự Thanh, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 581.
13. Nguyên văn: “*L'intérieur de la Citadelle, c'est-à-dire toute la partie ressortissant à l'Administration annamite, et non compris la Concession et le Mang-Ca, est divisé actuellement en 10 Phường 坊*”. L. Cadière (1933), “La Citadelle de Hué: Onomastique”, *Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH)*, tr. 74.
14. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2013), *Địa chí Thừa Thiên Huế, Phần Dân cư và Hành chính*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 307.
15. Trong bài khảo cứu này, việc xác định địa giới giữa các phường chúng tôi tham khảo dựa trên những mô tả của Linh mục L. Cadière. Công trình dài hơi và tỉ mỉ này được tác giả đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, vào năm 1933 dưới nhan đề “La Citadelle de Hué: Onomastique”, (Xin xem thêm *Kinh thành Huế, Địa danh học*, bản dịch Hà Xuân Liêm, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 111 - 188). Bên cạnh đó, nguồn tư liệu được chúng tôi đối chiếu chính là hệ thống các bản đồ do người Pháp lẫn người Việt đo vẽ trong khoảng thời gian từ những năm 1885 đến 1943. Đơn cử như bản đồ “*Plan de la Citadelle de Hué. Fourni par le Hộ - thành*”, ký hiệu XXII, do ông Nguyễn Thứ vẽ. Ngoài ra những ghi chép về các nha sở, dinh thự, đền miếu... của sử quan nhà Nguyễn trong bộ *Đại Nam nhất thống chí* (bản in thời Duy Tân), bản đồ Kinh Thành Huế, hệ thống địa bạ, các cột mốc phân giới giữa các phường hiện tồn cũng là nguồn tư liệu đáng tin cậy.
16. Nguyên văn: “*Le quartier de Tay-Loc est limité, à l'Ouest et au Nord par les murailles de la Citadelle, au Sud par le Canal Impérial, à l'Est par le Canal Impérial et une ligne prolongeant ce Canal jusqu'à la muraille Nord de la Citadelle*”. L. Cadière (1933), “La Citadelle de Hué: Onomastique”, sđd, tr. 75.
17. Trong bài viết này, chúng tôi xin được lược qua một số di tích tiêu biểu từng tồn tại trên địa phận của mỗi phường. Bước đầu tìm hiểu, bên cạnh một số di tích hiện vẫn còn tồn tại như đền Xã Tắc, điện Long An..., số khác đã có sự chuyển đổi công năng sử dụng, song phần lớn các công trình do nhiều lý do khác nhau đã bị triệt giải hoàn toàn. Do điều kiện và khuôn khổ bài viết chúng tôi chỉ dừng lại ở việc thống kê.
18. Xin xem thêm Thái Văn Kiểm (1994), *Cố đô Huế, Di tích - Lịch sử - Thắng cảnh*, Nxb Đà Nẵng, tr. 31 - 39.
19. Trong nhiều công trình nghiên cứu, bản đồ của các học giả nước ngoài khi viết về Kinh Thành Huế thường xuất hiện các danh xưng như: Vọng Lô IV, Vọng Lô V... Vọng Lô là cách gọi khác của người phương Tây về 10 cửa thành của Kinh Thành Huế, được tính theo đơn vị số đếm, bắt đầu từ Chánh Bắc Môn đến Đông Bắc Môn, theo chiều ngược của kim đồng hồ: *Chánh Bắc Môn* / Vọng Lô I (tục gọi là Cửa Hậu); *Tây Bắc Môn* / Vọng Lô II (cửa An Hòa); *Chánh Tây Môn* / Vọng Lô III; *Tây Nam Môn* / Vọng Lô IV (Cửa Hữu); *Chánh Nam Môn* / Vọng Lô V (cửa Nhà Đò); *Quảng Đức Môn* / Vọng Lô VI; *Thế Nhơn Môn* / Vọng Lô VII (Cửa Ngăn); *Đông Nam Môn* / Vọng Lô VIII (cửa Thượng Tứ); *Chánh Đông Môn* / Vọng Lô IX (cửa Đông Ba); *Đông Bắc Môn* / Vọng Lô X (cửa Kê Trại).

20. [Nguyễn Văn] “*Ce quartier est limité à l’Ouest par le rempart de la Citadelle; au Nord par le Canal Impérial; au Sud par la voie qui aboutit à la Porte Tây-Nam, Mirador IV, et qui le sépare du quartier de Thuan-Cat; à l’Est par le quartier Hue-An, les deux quartiers étant réparés par la grande voie qui va de la Porte Chanh-Nam, Mirador V, à la porte Tay-Bac, ou Mirador II*”. Xin xem thêm, L. Cadière (1933), “La Citadelle de Hué: Onomastique”, bđd, tr. 100.
21. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, “*Đại Nam nhất thống chí*”, sđd, tr. 71 - 80. L. Cadière, “La Citadelle de Hué: Onomastique”, bđd, tr. 114 - 117.
22. L. Cadière, “La Citadelle de Hué: Onomastique”, bđd, tr. 109.
23. L. Cadière, “La Citadelle de Hué: Onomastique”, bđd, tr. 99.
24. Hồ Vĩnh (1995), “Tìm hiểu phường xưa Nội Thành Huế: Phường Phú Nhơn”, in trong Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, số 09.1995, tr. 89.
25. L. Cadière, “La Citadelle de Hué: Onomastique”, bđd, tr. 107.
26. Phan Thanh Hải (2003), “Quy hoạch nhà phố trong Kinh thành có từ bao giờ”, in trong *Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 216 - 220.
27. Cũng cần nói thêm rằng, dưới thời nhà Nguyễn, Lý trưởng là người quản lý cấp xã, bắt đầu từ năm 1828 trở đi chức danh này được thay thế Xã trưởng.
28. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên, Đệ lục kỷ phụ biên*, sđd, tr. 582.
29. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên, Đệ lục kỷ phụ biên*, sđd, tr. 582.
30. Ngày 21/12/1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 77, đặt Huế là thành phố trực thuộc Trung Kỳ. Toàn bộ thành phố Huế chia thành 8 khu phố. Trong đó, khu vực I và II bao gồm toàn bộ địa bàn Thành Nội. Đến năm 1947, Huế được phân chia thành 3 quận và 8 khu phố. Địa bàn Thành Nội thuộc về Quận 1. Sau ngày tái chiếm Đông Dương, thực dân Pháp tiếp tục điều chỉnh các đơn vị hành chính. Ngày 21/5/1947, Hội đồng Chấp chính lâm thời Trung Kỳ ra Nghị định số 84-NĐ thiết lập 3 Nha Bang tá ở thành phố Huế. Nha Bang tá Thành Nội tiếp tục quản lý địa phận 10 phường thuộc nội vi Kinh Thành. Sau Hiệp định Genève [1954], thể theo Nghị định số 2058-ND/PC ký ngày 23/10/1956, đô thị Huế chia thành 3 quận. Trong đó, quận Thành Nội gồm các phường: Tây Lộc, Tri Vụ, Thuận Cát, Huệ An, Trung Tích, Tây Linh, Thái Trạch, Phú Nhơn, Vĩnh An và Trung Hậu. Hơn 10 năm sau, chính quyền miền Nam ban hành Nghị định số 1455-NĐ/ĐUHC (ký ngày 19/6/1967) để điều chỉnh địa phận Huế. Đúng một năm sau, ngày 4/8/1968, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 319/BNV/NC/19 quy định thị xã Huế gồm 10 khu phố, 22 khóm và 11 vạ trực thuộc ba quận. Khu vực Thành Nội thuộc Quận Nhất gồm có 3 khu phố. Khu phố Thuận Hòa gồm các khóm: Tây Lộc, Tri Vụ, Huệ An, Thuận Cát. Khu phố Thuận Thành gồm 4 khóm: Thái Trạch, Trung Tích, Trung Hậu và Đại Nội. Khu phố Thuận Lộc: Tây Linh, Phú Nhơn và Vĩnh An. Vào khoảng năm 1973, dân số của địa bàn Quận Nhất gồm 69.448 người. Xin xem thêm: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, *Địa chí Thừa Thiên Huế, Phần Dân cư và Hành chính*, sđd, tr. 359. Nguyễn Quang Ân (2003), *Việt Nam, những thay đổi địa danh và địa giới hành chính, 1945 - 2002*, Nxb Thông tấn, tr. 155. Phạm Xuân Thạch (2005), *Những thay đổi địa danh và địa giới hành chính ở Thừa Thiên Huế từ 1945 đến 2002*, Luận văn Thạc sĩ khoa học, Đại học Huế, tr. 18.

31. Nguyễn Quang Trung Tiến (Chủ nhiệm đề tài), *Biến đổi văn hóa xã hội và đời sống đô thị trong quá trình đô thị hóa ở Huế, 1975 - 2012*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Đại học Huế, 2016, tr. 42. Dương Phước Thu (2005), *Qua sông nhìn lại bến bờ*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 154.

TÓM TẮT

Chính thức được quy hoạch dưới thời vua Gia Long, Kinh Thành Huế được xem là biểu trưng quyền lực của vương triều Nguyễn. “Phường” trong Kinh Thành Huế trước thời điểm tu chỉnh dưới thời vua Duy Tân là dạng đơn vị hành chính đặc biệt, đây là nơi sinh hoạt, làm việc của các quan nha, đồn trú doanh trại quân đội, quan xưởng triều đình, dinh cơ tư thất quan lại và phủ đệ của các ông hoàng bà chúa. Những năm đầu thế kỷ XX, vua Duy Tân ban hành các quy định nhằm điều chỉnh lại toàn bộ địa giới các phường ở khu vực Kinh Thành. Đây là đợt điều chỉnh có ý nghĩa rất quan trọng, làm thay đổi toàn bộ diện mạo, dân cư, diện tích... các phường khu vực Thành Nội.

Thông qua một số nguồn tư liệu, bài viết góp phần xác định rõ ranh giới 10 phường nội thuộc Kinh Thành Huế dưới thời Nguyễn.

ABSTRACT

INITIAL DEFINITION OF THE ADMINISTRATIVE BOUNDARY OF SOME WARDS INSIDE HUE IMPERIAL CITADEL (FROM EARLY 20TH CENTURY TO 1945)

Officially planned under the reign of Emperor Gia Long, Huế Imperial Citadel is considered the symbol of the power of the Nguyễn dynasty. The toponym of “Precinct” in the Imperial Citadel of Huế before the under the reign of Emperor Duy Tân, it was a special administrative unit where the administrative offices, military camps and workshops, residences of princes and princesses was located. In the early twentieth century, Emperor Duy Tân issued regulations to rearrange the entire boundary of the royal citadel. This is a significant renewal which changed the entire the population and area within the zone of the Citadel.

Through a number of sources, the article helps to make clear the boundaries of 10 inner wards of the Huế Imperial Citadel under the Nguyễn dynasty.